TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh Phúc**

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST
Ngày:18-10- 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/9/2018; quyết định hoãn phiên tòa số 48/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm: 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Tổ 5 khu phố K, phường D, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: Tổ 10 khu phố H, phường D, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Bùi Đức T, sinh năm: 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5 khu phố K, phường D, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Vũ Thị L trình bày:

Bà Vũ Thị L và ông Bùi Đức T tự nguyện chung sống từ năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bà

Rịa – Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận kết hôn số 42 quyển số 01/2002 ngày 01/10/2003.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T những lần đi nhậu say về la mắng, đánh đập bà. Cách đây vài năm thì mâu thuẫn giữa ông bà càng trầm trọng khi ông T thường hay ghen tuông rồi đánh đập bà nhiều hơn. Không chịu đựng được hôn nhân bất hòa nên bà đã đưa người con út của bà là cháu Bùi Nguyên Lộc Th về nhà mẹ bà ở tổ 10 khu phố H, phường D, thành phố B ở cho đến nay.

Nay bà L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông T có 03 người con chung là cháu Bùi Hoàng P, sinh ngày 30/10/2004; Bùi Hoàng Phúc C, sinh ngày 25/4/2008 và Bùi Nguyên Lộc Th, sinh ngày 19/10/2015. Cháu P và cháu C đang ở cùng với ông T; cháu Th đang ở cùng với bà. Bà yêu cầu Tòa án giao cháu Th cho bà; giao cháu P và C cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), bà không đồng ý cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[2] Bị đơn ông Bùi Đức T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ cho ông T các văn bản tố tụng yêu cầu ông T đến Tòa án để làm việc, tham gia hòa giải và tham gia các phiên tòa xét xử nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

- Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là đúng quy định tại các Điều 97, Điều 208- 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra

tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

-Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Vũ Thị L có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Đức T và giải quyết vấn đề về con chung giữa bà và ông T. Đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và việc Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Vũ Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Bùi Đức T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ hai lần các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn xét xử vụ án trên theo quy định.

-Về nội dung giải quyết:

[2] Bà Vũ Thị L và ông Bùi Đức T tự nguyện chung sống từ năm 2003, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà L thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T những lần đi nhậu say về la mắng, đánh đập bà. Cách đây vài năm thì mâu thuẫn giữa ông bà càng trầm trọng khi ông T thường hay ghen tuông rồi đánh đập bà nhiều hơn. Không chịu đựng được hôn nhân bất hòa nên bà đã đưa người con út của bà là cháu Bùi Nguyên Lộc Th về nhà mẹ bà ở tổ 10 khu phố H, phường D, thành phố B ở cho đến nay.

Xét trong mỗi gia đình thì cả vợ chồng đều phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm và chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ở bà L và ông T thì do mâu thuẫn nên cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, phải sống ly thân nhau. Nay bà L vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông T. Mặt khác trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập ông T nhiều lần để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử với mục đích tạo điều kiện cho bà L và ông T quay về chung sống đoàn tụ cùng nhau nhưng ông T đã không có mặt, điều đó thể hiện ông T không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân của mình.

Vì vậy nhận thấy tình trạng vợ chồng giữa bà L và ông T đã đến mức trầm trọng và đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà L là có cơ sở nên được chấp nhận.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông T có 03 người con chung là cháu Bùi Hoàng P, sinh ngày 30/10/2004; Bùi Hoàng Phúc C, sinh ngày 25/4/2008 và Bùi Nguyên Lộc Th, sinh ngày 19/10/2015. Bà L yêu cầu Tòa án giao cháu Th cho bà; giao cháu P và C cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), bà không đồng ý cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét bà L là người có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Th. Ông T cũng có việc làm và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu P và cháu C. Ông T khi nhận được thông báo thụ lý vụ án cũng không có ý kiến gì trước yêu cầu của bà L về vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Do vậy yêu cầu của bà L về việc giao cháu Th cho bà L; giao cháu C và cháu P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) phù hợp với quy định của pháp luật, với nguyện vọng của con chung, nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với ông T khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án đã không có ý kiến gì về các vấn đề này. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị L và ông Bùi Đức T được ly hôn.

[2]. Về con chung: Bà Vũ Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Nguyên Lộc Th, sinh ngày 19/10/2015; ông Bùi Đức T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Bùi Hoàng P, sinh ngày 30/10/2004 và Bùi Hoàng Phúc C, sinh ngày 25/4/2008 cho đến khi các con chung đến tuổi trưởng thành (18 tuổi); Bà Vũ Thị L và ông Bùi Đức T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Vũ Thị L và ông Bùi Đức T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4].Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bà Vũ Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo

biên lai thu tiền số 0002785 ngày 28/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy bà L đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/10/2018) các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THADS thành phố Bà Rịa;
- UBND P. D, Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Thương